

DÒNG SÔNG Ô NHIỄM

Chút quà cho Huế

TƯỜNG LAM

Tôi được sanh ra bên này bờ Bắc An Hóa, chiếc phà nhỏ nối liền con sông dẫn về quận Bình Đại, vận hành bằng cách lặn theo sợi dây “cáp” căng thẳng nối liền hai bờ.

Ba tôi, công nhân hăng dây luột, thứ dây làm đôi cho ghe, tàu, kết bằng những sợi tơ của vỏ trái dừa khô của Tỉnh Bến Tre, với những khu vườn dừa bạt ngàn phủ xanh cả hai cù lao Bảo, Minh quanh năm phủ sa bồi đắp, một vùng trù phú, nước ngọt cho hoa trái sum suê.

Năm 1945, tôi được hai tuổi. Nhật đảo chánh Tây, với sự cai trị của phát xít Đại Đông Á, phá ruộng lúa trồng đay, đã làm hơn hai triệu đồng bào miền Bắc chết đói năm Ất Dậu. Họ chết với đất đầy miệng, hơn nửa thế kỷ qua đi, món nợ này dù chánh quyền Quốc Gia hay Cộng sản chẳng ai lên tiếng thường bồi, tôi xem đó là một khiếp nhục của dân tộc.

Dân sinh đói khổ cơ hàn, dùng bao bố tôi để may quần áo. Người ta dùng ve chai lặn đi, lặn lại nhiều lần để giết rận, rệp bám quanh áo quần bằng bố để hút máu dân cùng đình mạt vận.

Một buổi chiều, ông Tây già mang đến cho mẹ tôi một quần Ka ki dài ông đã rách hai đầu gối, nhờ mẹ tôi cắt, lên lai làm quần “sọt”, phần ống quần còn lại trả công. Mẹ tôi may không ngừng, không ngủ, sáng ra với tài tháo vát, móc nách nối tay, mẹ may cho tôi một bộ đồ bằng Ka ki Pháp dù đã bạc màu. Không biết có phải định mệnh đầu đời ăn mặc

như thế, bây giờ trong mấy tủ to đầy ắp, quần Ka ki Mỹ màu nhạt chiêm đa số trong phần trang phục của tôi! Thứ vải chắc, bền mặc càng lâu càng đẹp, không kém phần sang trọng.

Tết đến gia đình xuống ghe, ba tôi chèo, mẹ con tôi trong mui, xuôi theo con kênh An Hóa trở ra bờ kinh Chệt Sậy nửa cây số. Ngoại tôi thuộc gia đình khá giả, nhiều vườn đất và trên chục cỗ xe ngựa chở mướn mỗi ngày lúa gạo, hàng bông, trái cây và hành khách ra chợ Bến Tre, hai chuyến đi về, ngày Tết xe chạy không nghỉ. Dân làng gọi ông ngoại tôi là ông Cai Giác, vì một thời ông ngoại tôi có làm việc ở Tòa Bố Tỉnh.

Tôi được sanh ra cạnh bờ sông, chuyển đi xa nhất đầu đời cùng cha mẹ về nhà ngoại ăn Tết cũng đi trên dòng sông. Lớn lên cấp sách đến trường Tỉnh học môn Địa lý, tôi thấy đa số đô thị, tỉnh thành, quận lỵ đều xây cất bên bờ sông thuận đường giao lưu thủy bộ. Tỉnh lỵ Bến Tre nằm bên bờ sông Trúc Giang, từ sáng tinh mơ ghe, tàu, xuồng đò máy... xôn xao ở Bến Lở, người Pháp xây bằng bê tông dốc thoải thoải để chiều chiều lính mang đoàn ngựa đến tắm, bển mang hai tên: Bến Lở hay Bến Tầm Ngựa.

Theo sách “Địa Lý Học Tổng Quát” của Nguyễn Văn Vĩnh, từ Bến Lở có hang của con cá bóng mú rất lớn ăn luôn vào đất liền. Người ta tìm dấu bằng những cặp dứa khô nẹp vào nhau cho vào trong hang, thời gian ngắn sau người ta gặp những cặp dứa khô trôi ra bờ kinh Chệt Sậy, lộ trình dài gần 4 cây số. Một đêm kia dẫy phở nằm trên miệng hang lở sập kéo theo dẫy phở chìm xuống sông, nhiều người chết lúc nửa khuya đang ngon giấc! Bến Lở được đặt tên kể từ đó.

Học lịch sử, Việt Minh nổi lên khủng bố, dòng sông Trúc Giang đoạn Ba Lai, Mỹ Lông, Giồng Trôm, Hàm Luông, Mỏ Cày, Thạch Phú... vô số xác người bị trói thúc kè, đâm chết thả trôi sông, ám ngữ cho đi “mò tôm”... trôi trên sông cùng những đám lục bình. Xác đàn ông nằm sấp, xác đàn bà nằm ngửa... đều được gọi chung là thặng chồng. Bà cô của

ông bạn tôi sau khi ba bị Việt Minh bắt bên xã Nhơn Thạnh ngày nào bà cũng bơi ghe ra tìm mỗi khi thấy thằng chống trôi ngang.... Kiên nhẫn, sau cùng bà cũng tìm được xác cha mình sinh chương, nổi hêu trên mặt nước, trên cổ đeo bảng “Việt gian”.

Cộng Sản chủ trương lấy nông thôn bao vây thành thị, từ Vàm Nước Trong, với chiếc Tam Bản hai chèo, ba tôi “nhảy dù” chở gà, vịt, trứng, dừa khô sang chợ Bến Tre bán. Nhiều lần rời bên Cây Xoài ba tôi phải dùng sào đẩy một số thằng chống trôi sang bên, mới đưa ghe ra sông được. Nếu “Chánh quyền kháng chiến” biết được ba tôi “nhảy dù”, sau khi bị ghép tội Việt gian, ba tôi cũng sẽ trở thành thằng chống thôi.

Bây giờ vào đầu tháng Mười Hai, cái se lạnh trở về trên sông Thạch Hãn (Quảng Trị) dù vô thần người Cộng Sản lập đàn tràng trên sông cầu cho vong, linh người cán binh siêu thoát vì cứ mỗi đêm, một đại đội võ mặt tấn công cô thành Quảng Trị do Lê Duẩn vạch ra, sáng ra chỉ còn năm, bảy người sống sót bơi về phía bờ Bắc. Ròng rã chín chục ngày đêm võ mặt tấn công Cổ Thành, bộ đội chủ lực chết trên một vạn người (gần một sư đoàn). Số đèn thả trên sông trong ngày lễ lập đàn tràng cầu cho vạn oan hồn bộ đội siêu thoát không bằng số bóng đèn đủ màu của mấy khách sạn năm sao của con trai Lê Duẩn.

Tuần rồi, trong số giấy gói quà của mấy chú em trai từ Việt Nam gửi sang, vượt thẳng mấy trang giấy bèo nhèo, tôi thấy hình cầu Tràng Tiền của Huế mờ trong sương, và ngay bên dưới tựa, trích đoạn một bài bút ký với chữ to: “Ai đã đặt tên cho dòng sông” nữa. Tôi ngồi vào bàn, vượt mấy lần nữa cho trang báo thẳng thớm, tôi say mê:

Trích:

(Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ có sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rậm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn

xoáy như con lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng, say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng.

Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Digan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lý giải được về khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng, mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở. Nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành trình gian truân mà nó đã vượt qua, không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khóa trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng.

Phải nhiều thế kỷ qua, người tình mong đợi mới đánh thức người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoang dại.

Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng rừng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng những khúc quanh một cách đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới gặp thành phố tương lai của nó.

Từ Ngã Ba Tuần, sông Hương theo hướng Nam Bắc qua điện Hòn Chén, Váp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang Tây Bắc vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía Đông Bắc ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản, để sắc nước trở nên xanh thẳm và từ đó trôi đi giữa hai dãy núi đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột khởi như

Vọng cảnh, Tam Thai, Lưu Bảo mang từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa với những chiếc thuyền xuôi ngược chi bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời Tây Nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả.

Giữa đám quần sơn lô xô ấy là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ tỏa lan khắp cả một vùng thượng lưu “bốn bề núi phủ mây phong - mảnh trăng thiên cổ bóng tùng vạn niên”. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương như triết lý, như cổ thụ, kéo dài mãi đến lúc như mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà.

Từ đây, như tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biển bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng Tây Nam - Đông Bắc phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non.

Giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một nhánh cung rất nhẹ nhàng đến Cồn Hến, đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu. Và như vậy giống như sông Seine của Paris, sông Danube của Budapest, sông Hương nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quý của mình; Huế trong tổng thể vẫn nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương tỏa đi khắp phố phường với những cây da, cây dừa cổ thụ tỏa vầng lá u sầu xuống xóm thuyền xúm xít, từ những nơi ấy, vẫn lập lòe trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được. . Những chi lưu ấy cùng với hai hòn đảo nhỏ trên sông đã làm cho giảm hẳn

lưu tốc của dòng nước, khiến cho sông Hương đi qua thành phố đã trôi đi chậm, thật chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Tôi đã đến Leningrad có lúc đứng nhìn sông Neva cuốn trôi những đám băng lô xô nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân; mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng và đoàn tàu tốc hành lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt qua trước cung điện Pertersburg cũ để đi ra bể Bantic. Tôi vừa từ trong khói lửa miền Nam đến đây, lâu năm xa Huế và chính Leningrad đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi đại. Ôi! Tôi muốn hóa thành con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vẫy tay, nhưng con sông Neva đã chảy nhanh quá không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo.

Hai nghìn năm trước có một người Hy Lạp tên là Heracolit đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh, thế vậy! Lúc ấy tôi nhớ lại con sông Hương của tôi; chợt thấy quý điệu chảy lặng lẽ của nó đi ngang qua thành phố... Đây là điệu Slow tình cảm dành riêng cho Huế có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bênh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ Điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bồng ngập ngừng như muốn đi muốn ở chao nhẹ trên mặt nước như những ván vương của một nỗi lòng.

Hình như trong khoảnh khắc chùn lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày hay trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của tiếng chèo khuya.

Nguyễn Du đã bao năm lênh đèn trên quăng sông này, với một phiến trăng sầu và từ đó những bản đàn đã đi suốt

đòi Kiều. Tôi đã chứng kiến một nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỷ, một buổi tối ngồi nghe con gái ngồi đọc Kiều. “Trong như tiếng hạc bay qua - đục như tiếng suối mới sa nửa vôi”... Đến câu ấy người nghệ nhân chợt nhóm dậy vỗ đùi chỉ vào trang sách Nguyễn Du mà thốt lên: “Đó chính là tứ đại cảnh”.

Rời khỏi kinh thành, sông Hương chéch về hướng chính Bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Tây An. Và rồi, như sự nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng Đông Tây để gặp lại thành phố cuối cùng ở góc thị trấn Bảo Vinh xưa cũ. Đối với Huế nói đây chính là chỗ chia tay đôi xa ngoài mười dặm trường đình. Riêng đối với sông Hương, vốn đang xuôi ngược chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó. Khúc quanh này thật bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hóa nó lên, tôi gọi đây là nổi vương vấn, cả một chút lắng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình trẻ, ở ngã rẽ sông này, sông Hương đã chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả “Còn non... còn nước.... còn dài. Còn về... còn nhớ”. Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian; ấy là tâm lòng người dân nơi Châu Hóa xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.

Dòng sông và những đầm phá của nó, những dòng kênh uốn lượn qua thành phố cùng với tư thái của những ngôi nhà nằm giữa những khu vườn xanh tươi tất cả mang lại cho Huế một vẻ trong sáng đầy thơ thái dành riêng cho cảm hứng nghệ thuật và trí thức.

Huế đã là và vẫn còn là một trung tâm của nền văn hóa Việt Nam... Vẻ đẹp của Huế và lịch sử mà nó làm chứng đã ban cho Thành phố Huế mang một sức hấp dẫn về văn hóa và du lịch có tầm thước quốc gia và quốc tế.

Không phải là một đoạn văn kiện chính xác của Liên Hiệp Quốc do ban thư ký của Unesco soạn, đăng trên Tạp chí “Di Sản Văn Hóa” số mới đây. Tuy nhiên, tôi đã đọc nó với sự rung động thâm mỹ của tâm hồn: qua đây, tôi thấy hiện bóng khuôn mặt tươi trẻ và quyến rũ của dòng sông thành phố giữa lòng thế giới hiện đại. Người ta đã nhìn khắp trái đất và đã không quên được nó, dòng sông Việt Nam nhỏ nhắn chỉ dài gần một trăm kí lô mét từ nguồn đến biển.

Hiện nhiên sông Hương đã sống những thế kỷ quang vinh với nhiệm vụ lịch sử của nó, từ thuở nó còn là một dòng sông biên thùy xa xôi của Nguyễn Trãi có mang tên là Linh Giang, dòng sông Viễn Châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía Nam của Tổ Quốc Đại Việt qua những thế kỷ trung đại. Thế kỷ 18, nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ; nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỷ 19 với máu của những cuộc khởi nghĩa.

Sông Hương là vậy, dòng sông của thời gian ngân vang, của sử viết của màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự biến đổi mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước. Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày đêm áo ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa, màu áo lục điều với loại vải vân thưa màu xanh trầm lòng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn dấu khuôn mặt thực của dòng sông.

Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hy vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lập lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ.

Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó: từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ “Dòng sông trắng, lá cây xanh” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà,

từ tha thiết mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên “Nhu kiếm dựng trời xanh” trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nỗi quan hoài vẫn còn với bóng chiều bảng lảng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn trong thơ Tố Hữu. Và ở đây một lần nữa, sông Hương quả thực là Kiều và rất Kiều trong cái nhìn thẩm thiết tình người.

Có một nhà thơ từ Hà Nội đến đây, tóc bạc trắng lặng ngắm dòng sông, ném mẩu thuốc lá dưới chân cầu, hỏi với trời, với đất một câu thật bâng khuâng: Ai đã đặt tên cho dòng sông?...

Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường!!!)

Ngưng trích

Bút ký trên đã được viết ra trong mười ngày sau bốn mươi năm tác giả sống ở Huế, hơn nửa cuộc đời. Bút ký này đã được Bộ Giáo Dục Cộng Sản đưa vào chương trình giảng dạy môn văn lớp mười hai.

Một buổi chiều mùa thu năm 1984 ở vườn An Hiên - nơi Hoàng Phủ Ngọc Tường ngồi ngắm sông Hương với quyển sách trong tay.

Qua ô cửa ngôi nhà xưa, dòng sông hiện ra với vẻ đẹp bảng lảng với một ít buồn, một chút se lạnh và vài cơn gió dịu hiu. Như Vương Bột đời nhà Đường bên Trung Quốc, đứng dưới mái hiên nhìn ngắm dòng sông trôi đi lững lờ trong bài phú “Đề Vương Các”. Trong giây phút cảm xúc trào dâng giao hòa của đất trời trao cho ông niềm cảm xúc mãnh liệt viết nên bút ký “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”.

Trên nửa thế kỷ qua đi với chủ nghĩa ngoại lai nhân danh những điều không tưởng, lạ nhau, ân oán hận thù đã làm cho người Việt Nam chia cắt vì ngôn từ thống nhất, giải phóng đã bị phản bội.

Nhân đọc bút ký của ông tôi muốn đối thoại với tác giả với hai tư thế: Nhà văn và chánh án một đêm.

Mỗi nhà văn đều chấp cho mình đôi cánh để bay vào

chân trời chân thiện mỹ, nơi đây ấp bông hoa, nụ cười và tình người.

Tôi đọc bút ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường ba lần, tôi men theo dòng chảy của sông Hương, dòng sông chỉ dành riêng cho Huế, dòng sông trở nên diễm ảo tuyệt vời qua lối hành văn uyên bác, nhân cách hóa để non sông trở nên cảm thú. Một dòng sông “thơm” lững lờ tình tứ, một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như một con lốc vào những đáy vực bí ẩn và cũng có lúc trở nên dịu dàng và mê đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ thắm của hoa đỗ quyên làm duyên cho những cánh rừng thưa lá ngọn. Công bằng mà nói văn của ông đã làm lòng tôi xao xuyến, tương tự dòng sông “thơm” đẹp như công chúa ngủ trong rừng. Tôi ganh tị với người dân Huế vì có riêng cho mình một dòng sông êm đềm, trầm mặc, chảy qua “bốn bề núi phủ mây phong-mảnh trắng thiên cổ, bóng tùng vạn niên” hòa cùng “hồi chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương”.

Tiểu sử văn nghiệp của ông thật lẫy lừng. Căn cứ vào năm sinh ông lớn hơn tôi nửa con giáp, ông sống và lớn lên dưới chế độ miền Nam, chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Nông dân một đời cúi mặt xuống bùn, mặt trời thiêu đốt trên lưng, làm ra hạt gạo nuôi ông lớn. Chế độ miền Nam rước cả giáo sư danh tiếng ngoại quốc về dạy cho anh em ông nên người trí thức; người lính chúng tôi xả thân chiến đấu, nhiều đêm ôm súng, trắng mắt gác gác nơi tiền đồn heo hút, nhiều trăm ngàn người lính đã ngã xuống... để cho ông yên bình cầm phấn đứng trên bục giảng của trường Quốc Học danh tiếng. Đất nước chiến tranh, anh em ông không phải ra mặt trận: chế độ miền Nam ưu đãi anh em ông quá chừng.

Năm 1968 đến, Tết Mậu Thân cô truyền về với dân tộc, hai bên đồng ý hưu chiến ba ngày để toàn dân bình yên vui hưởng Tết. Phía bên kia gian manh, bội ước, xua quân tấn công tất cả tỉnh thành Miền Nam.

Mậu Thân đã làm cho Huế điêu tàn, máu hòa trong

nước mắt. Bến Tre xứ dừa quê tôi, xứ Đồng Khởi... cũng đau thương điêu tàn, đứng thứ hạng sau Huế! Các ông “giải phóng” đấy.



VC Phá sập cầu Trường Tiền Mậu Thân Huế

Đêm Giao thừa, tiếng súng AK thay tiếng pháo; chính âm thanh giòn tan của loại vũ khí giết người này đã đánh thức bản năng thú tính, đam mê quyền lực của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, hai tên trí thức nằm vùng hạng gộc, loại người ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản.

Tôi không tài nào tưởng tượng nổi, một người viết nên nhiều án văn trác tuyệt, được chọn làm giáo khoa cho cấp Tú tài... một; giáo sư, trí thức mang họ Hoàng, dòng họ của vua chúa, đã tự biến mình thành chánh án một đêm thôi ở Khe Đá Mài! Một chánh án cùng hung cực ác, tuyên án tử hình 204 người cùng một lúc. Bản án được thi hành ngay, tập thể tử tội bị trói thúc kè, xâu chùm nhum vào nhau đứng trước khe đá, hô chôn tập thể đã được đào sẵn vôi vàng.

Hung khí thi hành án: cán cuốc, dao, báng súng, mã tấu,

lười lê... Xác các nạn nhân sau này được khai quật, tìm thấy mới rõ, vỡ sọ, đạn xuyên vào gáy, bị bắn, đâm từ phía sau lưng... Lịch sử dã man thời trung cổ, các bộ lạc ăn thịt người ở Phi Châu không tìm thấy cảnh giết người nào dã man, mọi rợ... như thế bao giờ. Với vốn sách báo hầu như đọc suốt cả đời, thỉnh thoảng tôi bắt gặp một vài tên tuổi lớn chánh án, luật sư.. trở thành những nhà văn danh tiếng nhưng chưa gặp một nhà văn nào thành danh tầm cỡ trở thành chánh án... nhất là chánh án một đêm thôi đã biến địa danh Khe Đá Mài thành biểu tượng Thiên An Môn cho Huế.

Tử tội thuộc thành phần công chức, quân nhân, cảnh sát địa phương hoặc ở xa về quê ăn Tết... Chánh án Hoàng Phủ Ngọc Tường phân loại họ vào thành phần ác ôn, có nợ máu với “cái gọi là cách mạng”.

Các cô nhi quả phụ đi làm lao công, bồi phòng, giặt ủi cho lính Mỹ cũng được xếp vào loại CIA được đế quốc Mỹ trả lương.

Những thành phần “phản động” kể trên phải được “chánh quyền cách mạng Thừa Thiên, Huế” trừng trị thích đáng: Tử hình. Các khu Gia Hội, Khe Đá Mài, Bãi Dâu... được chọn làm địa điểm thi hành án.

Chúng ta hãy nghe mẩu đối thoại của học trò “thầy” Tường nói với vợ trước khi bị đập đầu:

-Em đừng lo, người ngời xử là thầy cũ của anh! Thầy Tường dạy anh ở Quốc Học.

Hoàng Phủ Ngọc Tường giết cả học trò mình. Hàm chôn bốn vị Giáo sư Y Khoa:

-Bác sĩ Slois Alterkoster

-Bác sĩ Raimund

-Bác sĩ Hort Gunther Kranit và phu nhân

Ngoài khuôn viên chùa Tường Vân do chính tay Hoàng Phủ Ngọc Phan, em ông bắn vào đầu.

Hoàng Phủ Ngọc Phan giết cả thầy mình. Sau này hai anh em dòng họ Hoàng Phủ chết đi xuống địa ngục sẽ được sự bái phục của Tàn Thủy Hoàng vì bạo chúa này chỉ có

chôn sống học trò và đốt sách mà thôi! Chưa dám giết thầy.

Trước năm 1975 tôi có dịp cùng tỉnh trưởng Vĩnh Bình dự nhiều phiên tòa xử nhiều trọng án. Tôi còn nhớ vị chánh án tỏ ra nghiêm khắc cứng rắn xử thật nặng những tội phạm hung hăng, sát khí, không góm tay khi gây án, nhất là những vụ giết người hung thủ không bao giờ được giảm khinh. Khi vị chánh án gằn giọng đọc lớn lời nhận xét của nhân viên tư pháp ghi:

“Khi chúng tôi đến bắt, can phạm có thái độ hung hăng chống đối, không tỏ vẻ ăn năn hối hận về hành động gây án của mình”.



Tội ác VC Mậu Thân Huế mở tập thể

Hôm nay, dù không phải là nhân viên tư pháp, tôi là người tị nạn chính trị, sống ở nước Mỹ hai mươi năm rồi. Đề tôi giúp cho chánh án Hoàng Phủ Ngọc Tường có đầy đủ hồ sơ về tội phạm của em ông là Hoàng Phủ Ngọc Phan và chắc chắn hai anh em dòng họ Hoàng Phủ sẽ ra trước vành móng ngựa của tòa án quốc tế về tội ác của mình gây thảm họa cho người dân Huế hồi Tết Mậu Thân.

Hồ sơ này sẽ in thành sách để tặng riêng cho người dân Huế thế hệ mai sau, để họ biết rằng ở Huế dòng họ Hoàng Phủ có hai người là tội phạm bị truy tố ra tòa án quốc tế về tội ác diệt chủng.

Sau đây là lời trần tình của một nữ cán sự điều dưỡng

Huế, mà cả gia đình bị thảm sát bởi Hoàng Phủ Ngọc Phan:

-Tôi xin tường thuật chi tiết của những cái chết đau thương của ông nội tôi, ba người anh, cùng một người bạn của họ, như là một nhân chứng còn sống sót sau Tết Mậu Thân, như là tiếng kêu oan cho gia đình tôi, cho linh hồn của những người thân trong gia đình, gia tộc nói riêng và cho những người dân Huế nói chung. Thay cho tất cả những ai bị sát hại trong Tết Mậu Thân 1968 bây giờ còn kẹt lại Việt Nam không có cơ hội nói lên những oan khiên mà họ phải gánh chịu bởi Đảng Cộng Sản Việt Nam và bè lũ tay sai khát máu giết hại dân lành vô tội như anh em Hoàng Phủ Ngọc Phan, Hoàng Phủ Ngọc Tường và Nguyễn Thị Đoàn Trinh v. v....

Năm 1968, tôi là sinh viên năm thứ nhất trường Cán Sự Điều Dưỡng Huế. Ngoài những giờ học lý thuyết chung tại trường, bọn sinh viên chúng tôi được chia thành toán. Mỗi toán từ 8 đến 10 người luân phiên thực tập ở các trại bệnh trong Bệnh Viện Trung Ương Huế. Có những trại bệnh, sinh viên thực tập theo giờ hành chính. Có một vài nơi như phòng cấp cứu, phòng bệnh nội thương... thì giờ thực tập chia làm ba ca: Sáng, chiều và đêm...

Ca sáng từ 7 giờ sáng đến 2 giờ chiều, ca chiều từ 2 giờ đến 9 giờ tối và ca đêm từ 9 giờ tối đến 7 giờ sáng hôm sau. Mỗi nơi chúng tôi được thực tập từ hai đến ba tuần lễ.

Hai tuần trước Tết, toán của tôi được chia phiên thực tập ở phòng cấp cứu. Ngày Mồng Hai, tôi và hai anh bạn vào ca đêm.

Tết năm nay ba tôi bận đi hành quân xa không kịp về ăn Tết.

Thường thì mấy anh em tôi năm nào cũng vậy, đều phải về nhà ông bà nội từ trước ngày 30 Tết, ở luôn cho hết ngày Mồng Một, rồi sau đó mới được tự do đi chơi, thăm viếng bạn bè.

Sau bữa cơm tối Mồng Một Tết, khoảng 8 giờ 30, anh Hai lấy xe Honda của anh đưa tôi đến Bệnh viện và nói sáng

mai anh sẽ đến đón.

Tối Mùng Một Tết hơi vắng. Chúng tôi, mấy anh em sinh viên Y Khoa và hai nhân viên phòng cấp cứu nói đùa với nhau rằng hôm nay tại mình... hên. Chúng tôi mang một ít bánh ra vừa ăn vừa nói chuyện, vừa thay nhau thăm chừng những bệnh nhân mới nhập viện từ đêm qua chưa được chuyên trại.

Nhưng qua nửa đêm bắt đầu nghe có tiếng súng. Tiếng súng lớn, nhỏ từ xa rồi mỗi lúc một gần. Chúng tôi giật mình, bần khoăn nhìn nhau, hoang mang lo sợ. Bầu không khí bắt đầu căng thẳng. Mấy anh sinh viên Y Khoa nghe ngóng bàn tán, thắc mắc không biết tiếng súng từ đâu vọng lại,..

Lúc đầu chúng tôi tưởng là thành phố Huế bị pháo kích nhưng không ngờ chừng 3, 4 giờ sáng, bất thần không biết từ ngõ ngách nào có chừng mấy mươi người tràn vào phòng cấp cứu, họ xưng “chúng tôi là quân giải phóng”. Đa số mặc áo quần đen, súng mang vai, bị rết ngang hông. Họ bắt tất cả chúng tôi băng bó cho một số người bị thương, đồng thời hò hét, chia nhau lục soát, vơ vét và lấy đi một số thuốc men, bông băng, dụng cụ y khoa v. v... Họ lấy sạch không chừa một món nào, kê cả bánh mứt để trong phòng trực.

Trong lúc bọn họ đang tranh nhau lục lọi thì ầm một cái, một tiếng nổ rớt rất gần đâu đó trong bệnh viện. Rồi tiếng thứ hai, thứ ba, rớt ngay con đường phía trước cổng chính bệnh viện kề phòng cấp cứu. Điện trong phòng cấp cứu vụt tắt. Thừa lúc bọn chúng nhôn nhao kéo nhau đi, chúng tôi mạnh ai nấy tìm đường chạy thoát thân.

Ra khỏi phòng cấp cứu tôi cầm đầu chạy, tôi không định hướng là mình chạy đi đâu.

Súng nổ tứ bề nên ai ở đâu thì cứ ở đó. Sau khi đám người xưng là “Quân Giải Phóng” ở cấp cứu kéo nhau đi, chúng tôi không gặp, không thấy bọn Việt Cộng nào nữa, hay chúng đang lẩn trốn trong những trại bệnh khác thì tôi không biết.

Tối ngày thứ năm, ruột gan như lửa đốt, không biết ông

bà nội, mạ và mấy anh em tôi trên đường Hàm Nghi ra sao. Tôi nói với cha Trung: Cha ơi! Con muốn về nhà. Cha bảo: Không được, súng đạn tứ bề, nguy hiểm lắm. Cứ ở đây với cha và mấy sơ đi đã, khi mô lính mình xuất hiện thì mới đi được. Tôi hỏi: Khi mô thì lính mình mới tới. Cha nói không sớm thì muộn họ cũng sẽ phản công thôi, cha nói như để trấn an tôi và mọi người thôi, chứ trên mặt cha thì đầy vẻ lo âu.

Không biết nghe tin từ đâu mà một người trong nhóm nói người ta chạy vô ở trong nhà thờ Phú Cam đông lắm. Tôi nghe càng nóng lòng muốn chạy về nhà. Muốn đi một phần vì sốt ruột muốn gặp mạ và mấy anh em tôi, phần vì đói. Đã mấy ngày không có gì ăn ngoài mấy ổ bánh mì cứng cứng của Caritas còn sót lại ở nhà nguyện, chúng tôi chia nhau gặm cầm hơi.

Tôi quyết định chạy về nhà tìm gia đình. Tôi liều! Trên người tôi chỉ có bộ đồng phục dính đầy máu, tôi chạy ra sau công bệnh viện tìm đường về nhà.

Vừa chạy vừa lo, ngó tới ngó lui không một bóng người nhưng tiếng súng thì nghe rất gần. Không biết mấy lần vấp, tôi té xuống. Té rồi lồm cồm bò dậy vài bước lại vấp té. Tôi lạnh run hai hàm răng đánh bò cạp. Nhìn cảnh tượng xác người nằm đầy đó, máu me đóng vũng. Không biết họ bị thương đâu đó ở bên ngoài chạy vào gục chết ở đây.

Quá sợ hãi, tôi định chạy trở lại nhà nguyện thì bất thần anh Văn hét ha hét hải từ công sau bệnh viện chạy vô.

Văn là bạn của anh Hải, anh kể tôi, hai người cùng học ở Văn khoa. Nhà Văn ở miệt trên gần dòng Thiên An. Mặt mày Văn xanh xao, hai mắt thất thần. Gặp tôi Văn lắp bắp nói không ra hơi. Ti ơi! Thằng Hải bị bắn chết rồi, hấn bị bắn ở bên Văn khoa. Toàn thân run rẩy tôi khuỵu xuống. Văn đỡ tôi đứng lên.

Lại có tiếng nổ rất gần, Văn hét hoảng kéo tôi chạy lại ngòai xuống bên trong bức tường sát cánh cổng sau bệnh viện. Hai đứa tôi run rẩy ngòai sát vào nhau. Lát sau tiếng được tiếng mất, anh lắp bắp kể. Văn nói mấy đêm rồi Văn

ở với mấy người anh của tôi trốn đâu trong nhà thờ Chánh Tòa (nhà thờ Phú Cam), nhưng rồi đêm qua có mấy sinh viên của mình dắt một toán Việt Cộng vô nhà thờ đọc một lô danh sách, họ lừa người đi đông lắm, không biết họ đưa đi đâu. Văn kể một hơi mấy tên “sinh viên của mình” nhưng bây giờ tôi không còn nhớ nổi.

Khi đám người bị lừa đi, thân nhân của họ khóc la thảm thiết.

Sau đó Văn, anh Hải cùng mấy người bạn rủ nhau trốn ra khỏi nhà thờ và mạnh ai nấy tìm đường trốn.

Ra khỏi nhà thờ, không biết trốn chui trốn nhủi, chạy quanh chạy co làm sao mà Văn và anh Hải lại tới được trường Y Khoa. Anh Lộc, anh Kính đi lạc hướng nào không biết. Hai anh hè nhau chui vô phòng thí nghiệm trốn thì thấy có vài người bị bắn chết tự bao giờ mà những vũng máu đọng dưới họ còn tươi lắm. Văn, anh Hải hoảng hồn chạy trở ra. Chưa ra khỏi cửa thì gặp Hoàng Phủ Ngọc Phan và Nguyễn Thị Đoan Trinh cùng mấy sinh viên khác nữa mà Văn không biết tên, chỉ biết họ đồng bọn với Hoàng Phủ Ngọc Phan. Văn biết mặt Phan vì Văn có người anh học Y Khoa cùng lớp với Phan.

Gặp Văn, Phan nạt nộ, tui mi chạy trốn nơi mô? Khôn hồn thì chạy qua Văn Khoa tập trung ở đó để đi tải thương! Hải và Văn biết thế nào cũng không thoát khỏi sự kiểm soát của bọn Hoàng Phủ Ngọc Phan nên vội vàng chạy bộ xuống Văn Khoa, hy vọng bị bắt đi tải thương chứ không bị giết.

Bọn Trinh, Phan chạy xe Honda nên họ tới trước và cũng đã bắn trước một số người khác rồi; Hải, Văn không biết, nên lúc thúc chạy đến. Một đoạn đường từ sau bệnh viện tới sân trường Văn Khoa mà không biết bao nhiêu là xác người, áo quần vung vãi khắp nơi.

Tôi và Phan chạy mới tới trường Trung học Jeane d'Arc thì gặp bọn Hoàng Phủ Ngọc Phan lấp ló trước cổng trường với một nhóm bộ đội Bắc Việt. Người nào mặt mày cũng đờ đờ sứt sứt. Gặp lại Phan, Văn run rẩy, Phan chưa kịp

nói thì Văn đã lấp bấp phân trần, em qua bệnh viện kiểm con Ti chớ em không có trốn mô và xin xỏ, anh cho em với con Ti đem xác thằng Hải về nhà rồi em trở lại đi tải thương!

Phan không trả lời, hắt nhìn tôi ác độc, mi về nhà kêu thằng Lộc, thằng Kính xuống đây mà đem thằng Hải về. Tôi líu lưỡi, em không biết hai anh em ở mô mà kêu.

Trước đây tôi không hề biết mặt Hoàng Phủ Ngọc Phan, mà cũng chưa hề nghe nói tên người này vì trước năm 1968 tôi còn là học sinh trung học. Có thể các người anh của tôi thì biết, vì họ là những lớp sinh viên đàn anh, đã từng qua những khó khăn đói đầu với đám sinh viên theo phe “tranh đấu, lên đường, xuống đường” của những năm trước.

Hoàng Phủ Ngọc Phan to nhỏ gì với những người đồng bọn rồi quay lại ra lệnh cho tôi với anh Văn đem xác anh Hải về nhà. Chưa biết nghĩ cách nào để đem xác anh Hải về thì Văn thấy một chiếc xe xích lô của ai bị bẻ bánh xe sau, nằm chơ vơ cạnh vách tường trường Jeane d'Arc.

Văn gọi tôi theo anh. Chúng tôi đẩy chiếc xe xích lô sút gọng gầy cẳng về phía Văn Khoa. Có chừng mười xác người trong đó, tôi không dám nhìn lâu. Chúng tôi hè hụi khiêng Hải bỏ lên xích lô. Xác anh đã cứng, đùn ruột lòi ra ngoài trông rất khủng khiếp, hai mắt vẫn còn mở trừng, miệng vẫn còn há ra.

Hoàng Phủ Ngọc Phan vừa đánh anh Văn bằng báng súng vừa chửi, chuyên ni mi trốn nữa mi gặp ta là mi chết!

Văn run rẩy lấp bấp, dạ lạy anh em không dám nữa mô. Rồi chúng tôi hè hụi đẩy chiếc xích lô mang xác người anh xấu số của tôi nhắm hướng Cầu Kho Rèn đi lên. Nhà tôi ở trên đường Hàm Nghi, qua khỏi cầu một chút.

Suốt quãng đường từ đó về đến nhà, có rất nhiều đám lính bộ đội Bắc Việt đứng tùm năm tùm ba. Chúng tôi không bị bắt giữ lại vì có Hoàng Phủ Ngọc Phan chạy đi trước ra đầu cho họ để cho chúng tôi đi.

Khúc đường ngang trường Thiên Hựu cũng có rất nhiều xác người nằm rải rác, nhiều vũng máu cũng như xác người

bị ruồi bu đen.

Đã mấy ngày không có gì trong bụng, tôi vừa đi vừa ói khan. Văn cũng vậy. Chúng tôi ráng sức đẩy chiếc xích lô trong lúc Hoàng Phủ Ngọc Phan cùng hai người đàn bà cứ chạy xe; chạy đảo tới đảo lui bảo chúng tôi mau lên. Tôi nghe chúng nó hỏi nhau: “bên Lý thường Kiệt, Nguyễn Huệ còn ai không?”. Có mấy chiếc xe Honda chờ gạo, bánh tét đã tịch thu nhà ai đó chạy thẳng vô trường Thiên Hựu.

Lúc đó bỗng dưng có mấy chiếc trực thăng xuất hiện trên trời nhả đạn xuống. Văn nói như reo bên tai tôi, Tí ơi! máy bay của mình. Mừng chưa kịp no thì trời ơi từ những cửa sổ trên lầu của trường Thiên Hựu những họng súng lớn nhả đạn, nhắm hai chiếc trực thăng mà bắn. Lúc đó chúng tôi mới biết là Việt Cộng đang ở trong trường Thiên Hựu quá nhiều. Hoảng hồn, tôi và Văn chạy lại ngòai sụp xuống bên tường rào của trường tránh đạn. Phan và đồng bọn biến đâu mất. Tụi nó như ma, khi ẩn khi hiện. Nhưng chỉ được một lát hai chiếc trực thăng bay đâu mất. Chúng tôi thất vọng khi thấy Phan với đồng bọn xuất hiện hồi chúng tôi đi.

Lên tới Cầu Kho Rèn, thấy một đám người đàn ông, đàn bà, con nít bị bắt trói chung với nhau ngòai trên đầu cầu. Họ ngòai gục đầu xuống hai đầu gối, tiếng con nít khóc, tiếng mấy bà mẹ dỗ con nín đi con ơi. Đi ngang qua nhà họ mà chúng tôi không dám nhìn. Có tiếng người trong đám gọi Tí ơi! Quay lại tôi nhận ra chị giúp việc của mẹ tôi và vợ của một chú cùng đơn vị với ba tôi ở Tiểu Đoàn 12 Pháo Binh, Phú Bài. Tôi đoán họ là những người từ trên Phú Cam, chung quanh cầu Kho Rèn, Hàm Nghi và những con đường chung quanh đó chạy xuống tìm đường trốn về Phú Lương thì bị bắt giữ.

Tôi định dừng lại hỏi thăm thì Hoàng Phủ Ngọc Phan trờ xe tới nạt nộ “Đi mau! Ngó chi!”. Trên đường từ Văn Khoa ngang qua trường Thiên Hựu, cầu Kho Rèn, lên tới nhà nội chúng tôi thấy nhiều người bị trói dính chùm với nhau đi trước mấy người mặc đồ đen, đi dép râu mang súng.

Súng nổ tứ bề mà không thấy bóng dáng lính mình ở đâu cả, chỉ thấy lính bộ đội Bắc Việt khắp nơi.

Trên đường Hàm Nghi, Nguyễn Thị Đoan Trinh chạy ngang nhà nào mà y thị gật đầu là y như rằng trong nhà có người bị bắt đem ra, người thì bị bắn trước nhà, kẻ thì bị dắt đi. Mấy ông bà cụ trong nhà chạy theo nằm lăn ra đường khóc la thảm thiết. Bọn lính Bắc Kỳ thì cứ chửi thề luôn miệng, đéo mẹ cầm mồm, ông bắn bỏ mẹ bây giờ.

Hai chúng tôi cứ nghiêng răng cúi mặt lầm lũi đẩy chiếc xích lô mang xác Hải đi tới.

Khi gần tới nhà tôi ở số 24 Hàm Nghi thì Hoàng Phủ Ngọc Phan và con hồ ly Trinh rà xe lại gần bảo tôi, không được đẩy vô nhà mi. Đẩy lên trên tê.

Đẩy lên trên tê, tôi hiểu là đẩy lên nhà ông nội ở trên dốc hướng đi lên Phú Cam. Nhà ba mẹ tôi thì ở gần Cầu Kho Rèn.

Tôi cũng không hề biết mặt Nguyễn Thị Đoan Trinh trước đó, trong hoàn cảnh này tôi mới biết mặt y thị là nhờ anh Văn nói.

Tội nghiệp anh Văn cứ tưởng khi Hoàng Phủ Ngọc Phan biểu chúng tôi đẩy xác anh Hải về là được tha chết.

Anh Văn và tôi cũng không ngờ rằng đoạn đường từ Văn Khoa lên tới nhà nội trên đường Hàm Nghi là đoạn đường sau cùng chúng tôi đi chung với nhau trong cuộc đời này.

Lên tới nhà nội, chúng tôi đẩy Hải vô bên trong hàng rào chèn tàu, bỏ Hải ngoài sân, tôi với Văn chạy vào nhà, nhà vắng ngắt. Đi từ trước ra sau bếp gọi ông ơi, mẹ ơi! Nghe tiếng ông nội yếu ớt từ trong buồng vọng ra, ai đó, đưa mô đó? Con đây, ông nội. Nghe tiếng tôi, ông tôi hấp tấp chạy ra, bước chân xiêu xiêu, ông tôi chạy lại ôm tôi. Ông khóc, ông nói lạy Chúa, lạy Mẹ, cháu tôi còn sống.

Tôi không khóc được, tôi run rẩy trong tay ông nội. Ông tưởng tôi sợ nên an ủi, con còn sống mà về được đây là phúc lắm rồi, ở đây với ông nội không can chi mô. Nghe nói mạ mi đưa ba thằng em mi chạy lên Phú Lương rồi, không biết

đi tới mô rồi, có thoát được không? Lạy Chúa, lạy Mẹ phù hộ.

Tôi không nói vì quá mệt, kéo tay ông nội ra ngoài. Nhìn thấy xác Hải ông khuyu xuống, miệng thì kêu trời ơi, trời ơi! Răng mà ra nông nổi ni...

Chúng tôi đem Hải vào nhà, đặt anh trên divan. Ông nội lấy mền đắp lên xác Hải. Hai người anh tôi đang trốn trên trần nhà đòi xuống nhìn mặt Hải. Ông nội không cho. Anh Lộc đỡ nắp trần nhà sát góc tường thò đầu vừa khóc vừa nói. Ti đẩy cái ghế đầu qua cho anh. Tôi nghe lời ra đằng sau bếp lấy cái ghế đầu mang lên để ngay góc phòng, cho anh Lộc nhảy xuống. Ông nội ngó lên hươ hươ hai tay với giọng lạc đi, đừng xuống ông nội lạy con, đừng xuống ở trên đó đi mà!... Anh Kính đang ở trên đó cũng đang khóc.

Lộc chưa kịp nhảy xuống thì nghe tiếng chân người ngoài sân. Anh vội vàng đóng miếng ván lại thì bọn Hoàng Phủ Ngọc Phan cũng vừa vào đến.

Thầy Phan bước vô mặt Văn biến sắc. Anh lấp bắp nói với ông nội, anh Phan cho tụi con đem xác về đó ông nội ơi. Ông nội đứng im không nói. Hai mắt cú vọ của nó ngó ông nội hỏi, thằng Lộc, thằng Kính ở mô. Tụi hấn năm mô cũng về ăn Tết ở đây mà ông không biết rằng được? Ông nội nói ba ngày tư ngày Tết, ăn xong thì tụi hấn đi chơi, đi thăm bà con họ hàng chứ chẳng lẽ ở nhà hoài răng? Bậy chừ thì tôi biết tụi hấn ở nhà mô mà chỉ?

Mắt Phan láo liên khắp nơi, chợt thấy cái ghế đầu ngay góc phòng nó cười khan một tiếng!

Tôi đứng núp sau lưng ông nội, Hoàng Phủ Ngọc Phan hung hăng bước tới xô ông nội qua một bên, nó nắm lấy tóc tôi ra về phía hấn, ngó lên trần nhà la lớn, Lộc, Kính, Hiệp tụi mày không xuống tao bắt con Ti. Nó vừa nói vừa xoay mái tóc dài của tôi trong tay đẩy tới đẩy lui. Tôi đau điếng, tôi sợ run lẩy bẩy nước mắt ứa ra nhưng chẳng dám la thành tiếng. Ông nội tôi chấp tay lạy nó như tể sao, tui lạy anh tha cháu tôi, con gái con lữa biết chi mô.

Thằng Phan càng la lớn, “tao biết tụi mi trên đó có xuống không thì nói, không tao bắn con Ti”. Phan xô tôi té xuống, lấy chân đạp lên lưng, chĩa mũi súng lên đầu tôi hô một, hai, ba... Lập tức anh Lộc mở nắp trần nhà thò đầu xuống la to, đừng, đừng bắn em tao để tao xuống!

Ông nội chạy lại giữ cái ghế cho anh bước xuống, Hai chân ông run, ông té sấp đang lúc anh Lộc tìm cách tuột xuống; thò hai chân xuống trước, hai tay còn vịn trần nhà. Khi đôi chân vừa chạm chiếc ghế đầu thì Hoàng Phủ Ngọc Phan đã nổ súng, đạn trúng ngay giữa cổ máu phọt ra, Lộc lăn xuống sàn nhà, toàn thân giãy giụa mấy cái rồi nằm yên.

Mặc ông nội la hét thất thanh, Phan chĩa súng bắn lên trần nhà. Nghe tiếng anh Kính lăn tới đâu nó bắn tới đó, bắn nát trần nhà, hết đạn nó giành lấy cây súng của thằng khác bắn tiếp cho đến khi anh Kính tôi rơi xuống theo mấy miếng ván.

Anh Văn ngồi bệt xuống đất, nhắm mắt bịt tai run lây bầy, ngồi kề bên anh người tôi tê cóng đá ỉa ra cả quần. Ông nội tôi nhảy tới ôm anh Kính, hai mắt anh trợn trừng đang thều thào những lời sau cùng. Ông khóc, ông chửi rủa thằng Phan. Nó say máu bắn luôn ông nội tôi, ông tôi đổ xuống bên cạnh anh Kính.

Bắn ông tôi xong chúng kéo nhau đi, bắt anh Văn theo. Còn lại một mình, tôi bò lại ôm ông nội, tôi khóc không ra tiếng, thở không ra hơi. Hai bàn tay tôi ướt đầm máu của ông nội tôi. Tôi bò sang anh Lộc, bò sang anh Kính, tôi lay, tôi gọi, tôi gào. Không ai nghe tôi hết, anh tôi không trả lời tôi, hai con mắt, bốn con mắt, sáu con mắt đều mở trừng trừng. Ông nội tôi nằm im, máu trong ngực ông vẫn tuôn ra từng giọt, tôi gục đầu xuống xác ông, lịm đi. Không biết bao lâu thì tôi mới tỉnh lại nhưng không ngồi dậy nổi, cứ nằm ôm lấy xác ông tôi, tóc tôi bết đầy máu, toàn thân tôi máu, phân và nước tiểu đầm ướt, tôi không còn sức để ngồi lên.

Không biết tôi nằm bên cạnh xác ông tôi với ba người anh như vậy là bao lâu. Khi tỉnh dậy thì thấy hai vợ chồng

bác Hậu, vài người lối xóm nữa của ông tôi đang ở trong nhà. Họ dọn dẹp khiêng bộ ngựa trong nhà bếp ra trước phòng khách, đặt xác ông nội cùng với ba người anh nằm chung với nhau. Hai bác gái đem tôi vào phòng tắm, phụ nhau tắm rửa cho tôi như một đứa con nít. Bác Hậu lấy áo quần của Bác mặc cho tôi. Tâm trí tôi hoàn toàn tê liệt, tôi không còn khóc được, không còn mở miệng nói được câu nào.

Ngày cũng như đêm ngồi rũ rượi bên cạnh xác của ông và các anh tôi. Tôi không còn sợ chết nhưng sao tụi nó không giết luôn tôi, trời hồi trời ơi!

Nhìn thấy tôi tiêu tụy, mỗi ngày bác Hậu gái khuấy cho tôi vài muống bích chi ép tôi uống. Thật ra nhà nội chẳng còn chi, gạo cơm, bánh mứt thì tụi nó cướp đi hết rồi, bác Hậu còn giấu được ít gạo, ít than nấu cháo uống cầm hơi với nhau.

Ngày hôm sau thằng Phan trở lại. Bác Hậu xin được phép chôn ông tôi và mấy người anh sau vườn nhà nhưng nó không cho, nói cứ để đó.

Đã hơn bảy ngày, xác đã sinh lên và nặng mùi mà Phan không trở lại. Một buổi tối tụi bộ đội Bắc Việt đến lục lọi kiếm gạo. Bác Hậu xin chúng nó cho đào huyệt sau nhà để chôn ông nội và ba người anh. Chúng nó bảo, ừ thôi quá rồi thì chôn đi, nhưng chỉ được đào một lỗ huyệt.

Vợ chồng bác Hậu khóc lóc năn nỉ, mấy anh ơi, người chết rồi biết chi, mấy anh cho tụi tôi đào bốn huyệt. Chúng vẫn không cho. Chúng nó phụ bác Hậu đào huyệt, bảo đem bốn người bỏ xuống chung một lỗ, lấp lẹ đi thôi quá. Bác Hậu với mấy người trong nhà không ai muốn làm, ngó nhau mà khóc.

Chiều tối hôm đó Văn trở lại với Phan và mấy thằng bộ đội. Chúng nó bắt Văn phụ với mấy thằng bộ đội khiêng từng người ra bỏ xuống huyệt.

Hai vợ chồng bác Hậu theo ra sau vườn, tôi kiệt sức nằm vùi một chỗ nhưng tai tôi vẫn nghe rõ những lời đối

thoại trong nhà. Tôi không đủ can đảm theo ra vườn chứng kiến cảnh vùi lấp những người thân yêu của tôi. Nằm trong buồng ông nội nhưng tôi nghe rõ từng tiếng cuốc xéng đào đất, tâm trí tôi quay cuồng, ruột gan tôi đòi đoạn. Trời ở đâu? đất ở đâu? Tôi gọi ông tôi, gọi anh Lộc, anh Kính, anh Hải... không ai nghe tôi hết.

Khi bốn cái xác được bỏ xuống, miệng lỗ chưa được lấp thì tôi nghe tiếng súng nổ và tiếng kêu gào của vợ chồng bác Hậu nhưng không nghe tiếng của Văn. Tiếng bác Hậu kêu Văn ơi, Văn ơi! Giọng bác đòi đoạn, nghe thấy tôi đoán biết chuyện gì đã xảy ra cho Văn. Toàn thân tôi lay bậy, tôi cảm thấy khó thở, một lần nữa phân và nước tiểu trong người tôi tủa ra.

Tôi nghe tiếng mấy thằng bộ đội hò hét bảo lấp đất lại, bác Hậu và những người hàng xóm của tôi đành phải làm theo.

Khi tụi bộ đội Việt cộng bỏ đi, bác Hậu chạy vào buồng vò đầu bức tai, giọng tức tưởi, thằng Văn nằm chung với ba thằng anh mi rồi con ơi. Trời ơi là trời ơi! Bác Hậu đấm ngực, không biết thằng Văn chết chưa mà hấn bắt tôi lấp. Văn ơi là Văn ơi, con tha cho bác. Trời ơi! Người mô mà ác chi rứa... Tôi lặng người nghe bác Hậu khóc anh Văn.

Sau lần đó không đũa nào trong bọn chúng trở lại, kể cả tụi bộ đội. Chắc vì nhà ông tôi chẳng còn người để mà giết, chả còn của cải chi để mà cướp nữa.

Hơn ba mươi ngày tôi nằm liệt lào trong nhà nội, bên ngoài súng đạn vẫn tứ bề. Hai vợ chồng bác Hậu không nở bỏ tôi lại một mình. Hai bác nghe ngóng và biết đa số dân Phú Cam đã tìm đường chạy thoát xuống Phú Lương. Bác năn nỉ tôi ráng ăn uống thêm một chút để có sức mà chạy, không lẽ nằm đó chờ chết? con không muốn tìm mạ con rãng?

Hôm sau nữa tôi theo gia đình bác Hậu tìm đường chạy lên Phù Lương vì nghe nói lính Mỹ, lính mình đã xuất hiện chung quanh đây rồi. Đi xuống ngã Cầu Kho Rền thì cầu

đã bị sập, bác theo đoàn người đi hướng khác. Tôi đi theo như người mất hồn, họ đi đâu tôi theo đó không còn nhớ là mình đã đi qua những nơi đâu. Có điều tôi thấy làm lạ trên đường chạy giặc đạn pháo bắn khắp nơi mà người ta cứ gồng gánh nhau mà đi, không ai chịu dừng lại kiếm chỗ tránh đạn. Người ta nói với nhau, khi mô mà có mọc chê hay đạn pháo chi đó thì bọn Việt Cộng chui vô nhà dân để trốn đạn nên chúng không ra đường chặn bắt dân lại. Vì vậy, người ta cứ chạy bất kể, dưới làn mưa đạn đoàn người càng chạy đi đông hơn. Ôi! Những người dân tội nghiệp của xứ Huế thà chết dưới bom đạn còn hơn để lọt vô tay quân sát nhân ác độc.

Cuối cùng thì tôi cũng đến được Phú Lương gặp mẹ và ba đưa em trai. Khi hay tin cái chết của ba người anh và ông nội tôi, quá đau khổ mẹ tôi bị phát điên. Ít lâu sau ba tôi trở về sau một đợt hành quân nào đó của tiểu đoàn 12 Pháo Binh, Phú Bài. Thấy mẹ tôi như vậy biết không thể trở lại đường Hàm Nghi. ông mượn nhà ở tạm tại Phú Lương.

Sau khi Huế được giải thoát, ba tôi nhờ bà con lân xóm cải táng Văn, ba người anh và ông nội tôi, tang lễ được cử hành ngay tại nhà thờ Phú Cam do cha Nguyễn Trung Tuệ chủ tế. Gia đình anh Văn đồng ý cho anh Văn được nằm lại trong miếng vườn nhà ông nội tôi, cùng với ba người anh của tôi.

Ba tôi được giải ngũ khoảng năm 1969. Mẹ tôi vẫn trong cơn điên loạn không thuyên giảm. Ba tôi quyết định bỏ Huế đem hết gia đình vào Long Khánh sinh sống, nhà nội giao lại nhờ hai bác Hậu coi chừng, nhà ở 24 Hàm Nghi (gần đường rầy xe lửa) thì bán cho ai tôi không rõ.

Đó là những cái chết oan khiên của những người ruột thịt thân yêu mà tôi phải chứng kiến tận mắt với muôn vàn đau đớn. Trong bà con thân tộc nội, ngoại hai bên của tôi có rất nhiều người bị bắt đi ở nhà thờ Phú Cam, một số bị bắt ở nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế. Số người bị chôn sống và mất tích lên tới ba mươi người. Tất cả đều là học sinh, sinh viên,

thường dân, nông dân, buôn bán ở chợ An Cựu.

Sau Tết Mậu Thân những người bà con còn lại của tôi quá đau khổ, sợ hãi; họ đã âm thầm bỏ Huế, tản mác khắp nơi thay tên đổi họ mà sống.

Sau biến cố Tháng Tư Đen 1975, gia đình tôi một lần nữa, lại là nạn nhân của lũ Việt gian cộng sản ác độc, vô luân. Ba tôi và những đứa em trai còn lại cũng đã chết sau mười mấy năm bị đày đọa trong lao tù cộng sản.

Đã bốn mươi năm qua, những vết thương đó vẫn còn tươi rói trong tôi. Nỗi đau mỗi ngày một dày, đó là những cái chết oan khiên trong muôn ngàn cái oan khiên của người dân Huế.

Tôi là người con duy nhất trong gia đình còn sống sót sau Tết Mậu Thân cũng như sau ngày mất nước. Nay viết lại những cái chết thương tâm của những người thân yêu trong gia đình tôi với tư cách là một nhân chứng và nạn nhân, để tố cáo tội ác của Việt gian cộng sản. Có như thế, oan hồn ông nội và anh em tôi mới có thể siêu thoát.

Tôi sẵn sàng ra làm nhân chứng trước tòa án quốc tế, cũng như xuất hiện trước các phương tiện truyền thông khi cần thiết.

Tên tuổi ông nội tôi và của ba người anh bị sát hại.

Tên ông nội tôi: Nguyễn Tín, 70 tuổi.

Ba người anh:

1. Nguyễn Xuân Kính, sinh viên Y Khoa, sinh năm 1942.
2. Nguyễn Xuân Lộc, sinh viên Luật Khoa, sinh năm 1946.
3. Nguyễn Thanh Hải, sinh viên Văn Khoa, sinh năm 1949.

Tôi: Nguyễn Thị Thái Hòa

Đó là lời cô Hoà kể lại. Băng đảng Mafia thế giới sau khi đọc bài trần tình của cô Trần Thị Thái Hòa, họ sẽ chấp tay bái phục sát thủ Hoàng Phủ Ngọc Phan, con người có máu lạnh giết người như ngóe; thành tích trong băng đảng giết người còn kém xa anh em ông, ông H.P. Ngọc Tường ạ.

Chúng tôi kinh hãi về sự nhiệt tình tàn sát người dân Huế của mấy ông, chứ kế hoạch và lệnh là do bộ chính trị cộng sản Hà Nội đưa ra. Chúng tôi biết rõ điều đó và về phía các ông tấn công vào các tỉnh thành miền Nam cũng thiệt hại vô kể.

Nhà thơ Chế Lan Viên đã cho ta một con số ước lệ:
Hai ngàn quân tràn xuống đồng bằng
Chỉ ba mươi người trở lại
Tướng Trần Văn Trà cũng thú nhận:
“Có những đơn vị tham chiến mà không ai sống sót trở về”

Tự nhiên tôi có một ước mơ phải chi dân tộc Việt Nam đừng có Đảng Cộng Sản.

Mới đây nghe người về từ Việt Nam nói lại Hoàng Phủ Ngọc Tường lâm trọng bệnh, nhờ một bà thầy lang cứu tử không thôi ông đã đi gặp Hồ Chí Minh, “cụ” Mác, “cụ” Lênin rồi.

Giờ đây tuổi ông đã già, bệnh tật khiến ông liệt nửa người phải ngồi xe lăn. Lúc sinh thời hai anh em đã giết một phần hai mươi trong tổng số 5,327 người bị thảm sát tìm được thi thể, còn 1,200 người báo cáo mất tích vĩnh viễn.

Người biết chuyện cho hay, gương mặt ông lúc nào cũng âu lo sợ hãi và nốt ruồi đậm nét trên cằm. Mao Trạch Đông cũng có nốt ruồi giống ông nhưng ở phía bên kia – ông run sợ hằng đêm với giấc ngủ chập chờn ác mộng, nhiều oan hồn về đòi ông đền mạng. Thức giấc, ông ngồi trên xe lăn, tay run rẩy viết nên mấy vần thơ :

Những chiều Bến Ngự dâng mưa
Chừng như ai đó mơ hồ gọi tôi
Tôi ra mở cửa đón người
Chỉ nghe tiếng gió thổi ngoài hành lang
Ông ôm lấy đầu và van xin:
Nợ người một khối u sầu
Tìm người tôi trả ngay sau luân hồi
Chỉ đơn thuần trên bình diện văn chương, tôi cảm nhận

được nổi hôi hân, giầy vò xâu xé trong lòng ông. Lòng trắc ẩn về một loài hoa sớm nở tối tàn mà ông là “Người Đi Hái Phù Dung” tên một tác phẩm của ông.

Lẽ đời ai rồi cũng phải chết.

Anh em Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, hai tên đồ tể tẩm máu người dân Huế rồi cũng phải chết thôi.

Trước khi đi gặp “Bác Hồ” của hai ông, hai ông nên trở lại người thân đừng dại, đem thân xác hai ông mai táng trong ngôi mộ cần đá hoa cương cung cách lăng tẩm, để hãnh diện dòng họ Hoàng Phủ.

Những đêm về sáng, đèn đóm khói hương nghi ngút, tiếng tụng kinh gõ mõ của cả thành phố Huế. Tiếng mõ gọi hồn anh em ông đấy!

Tôi bảo đảm mộ đá hoa cương của anh em ông sẽ bị đào xới chỉ trong một đêm thôi! Xác sẽ bị quang xuống Khe Đá Mài, hoặc giả còn tệ hại hơn nữa: thân xác các ông sẽ bị chó, mèo phân thây ra trăm mảnh! Dân Huế thù dai lắm.

Nếu trước khi lìa đời, trở lại thân nhân hãy đem thân xác hai ông hỏa thiêu, tro cốt chèo ghe rải xuống dòng sông Hương.... Tôi cực lực phản đối lối hành xử này, bởi vì mai kia lớp con cháu, thế hệ đời sau của Huế biết chuyện, chúng sẽ đứng tựa cầu Tràng Tiền buông một câu, sau khi đã bâng khuâng hỏi trời, vấn đất:

“Ai đã làm ô nhiễm dòng sông?!”

Chấm dứt chiến tranh Việt Nam không đơn thuần rút quân về nhà là xong, vì lẽ cái gì phải trả cho loại Hoa Binh đó là ngàn năm tăm tối cho thế hệ sinh ra tại Việt Nam về sau. -

Cố Tổng thống Mỹ Ronald Reagan